

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 09/03/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28204603913	Lê Hoàng Anh	26/06/2004	Quảng Bình	30TYC8	6.0	8.0	Đạt	
2	27202136354	Trần Thị Ngọc Anh	18/07/2003	Thanh Hóa	30TYC10	4.0	2.8	Không Đạt	
3	27218723209	Hoàng Phương Ánh	25/06/2003	Đắk Lắk	30SSC5	6.3	3.0	Không Đạt	
4	27212253329	Phạm Mai Hoài Bảo	24/06/2003	Đà Nẵng	30TYC11	5.3	7.0	Đạt	
5	27202241554	Trần Thị Minh Châu	05/07/2003	Quảng Nam	30TYC11	7.3	5.0	Đạt	
6	27211334636	Lê Văn Đạt	11/08/2003	Quảng Nam	30TYC11	V	V	Không Đạt	
7	27218629919	Nguyễn Lương Triệu Đạt	31/01/2003	Đắk Lắk	30TYC11	V	V	Không Đạt	
8	28204900572	Nguyễn Thùy Dung	01/01/2004	Hà Tĩnh	30TYC10	7.0	5.8	Đạt	
9	27217042351	Trần Đức Dũng	26/10/2003	Quảng Bình	30TYC11	2.3	4.3	Không Đạt	
10	27202228985	Trịnh Hoài Châu Giang	04/07/2003	Quảng Trị	30TYC11	7.7	5.0	Đạt	
11	26205439464	Nguyễn Gia Hân	14/04/2002	Quảng Ngãi	30TYC11	9.7	9.5	Đạt	
12	26205442653	Trần Phạm Ngọc Hăng	14/04/2002	Lâm Đồng	30TYC11	9.0	7.5	Đạt	
13	28209301429	Trương Thị Hăng	20/04/2004	Phú Yên	30TYC10	5.7	2.8	Không Đạt	
14	27205100556	Đinh Thị Mỹ Hạnh	27/02/2003	Phú Yên	30CSC5	6.3	5.0	Đạt	
15	27211342239	Trần Quang Hậu	05/12/2003	Quảng Ngãi	30TYC10	5.3	5.5	Đạt	
16	27202200744	Nguyễn Thị Hiền	25/09/2003	Hà Tĩnh	30TYC10	8.0	8.5	Đạt	
17	28206605047	Thái Thúy Hiền	27/09/2003	Nghệ An	30TSC7	6.7	5.0	Đạt	
18	27211333962	Ngô Văn Hiếu	15/11/2003	Quảng Ngãi	30TYC10	3.3	5.5	Không Đạt	
19	27202229071	Phạm Thị Hương	21/04/2003	Nghệ An	30TYC11	6.7	5.8	Đạt	
20	28206551656	Phạm Thị Hương	14/12/2004	Đắk Nông	30TYC11	4.0	4.0	Không Đạt	
21	27212221766	Cao Gia Huy	09/06/2003	Đà Nẵng	30CHT7	6.3	5.5	Đạt	
22	27208600181	Đỗ Khánh Linh	02/09/2003	Đắk Lắk	30TYC11	7.3	2.0	Không Đạt	
23	27203102727	Hồ Thị Yên Linh	26/06/2003	Đà Nẵng	30TYC10	8.7	10.0	Đạt	
24	27202280023	Lương Đoàn Mỹ Linh	04/02/2002	Đà Nẵng	30TYC11	7.0	5.0	Đạt	
25	27213801199	Phan Thùy Linh	23/09/2003	Đắk Lắk	30TYC11	V	V	Không Đạt	
26	26203827349	Đặng Thị Loan	10/07/2002	Gia Lai	30TYC10	9.0	6.0	Đạt	
27	28212350862	Phan Thành Luân	05/01/2004	Bình Định	30TYC11	9.0	5.0	Đạt	
28	27203300597	Nguyễn Thị Thanh Mai	20/08/2003	Gia Lai	30TYC8	9.3	6.5	Đạt	
29	28211102465	Nguyễn Đức Mạnh	12/05/2004	Bình Định	30TYC11	V	V	Không Đạt	
30	27212203084	Nguyễn Lê Huyền My	27/09/2003	Quảng Ngãi	30TYC10	8.0	5.0	Đạt	
31	27203902789	Phạm Thị My My	31/03/2003	Quảng Nam	30TYC10	7.7	5.8	Đạt	
32	27203303116	Huỳnh Thị Lệ Mỹ	19/09/2003	Quảng Nam	30TYC8	8.7	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27202201553	Trần Thị Kiều	Na	08/12/2003	Quảng Trị	30TBN11	7.3	7.0	Đạt	
34	27203444311	Đặng Thị Yên	Nhi	24/08/2003	Đắk Lắk	30SYC3	7.0	5.8	Đạt	
35	28204903831	Lê Phương	Nhi	02/10/2004	Quảng Bình	30TYC8	6.0	7.3	Đạt	
36	28206304068	Lê Thị Dung	Nhi	01/06/2004	Bình Phước	30TYC8	5.7	5.5	Đạt	
37	28206203142	Ngô Thị Hồng	Nhung	13/04/2004	Quảng Bình	30TYC11	9.0	8.3	Đạt	
38	27207040167	Trần Thị Thúy	Nhung	16/11/2003	Quảng Ngãi	30TYC11	3.0	5.0	Không Đạt	
39	27205135867	H' Sơ Rin	Niê	27/08/2003	Đắk Lắk	30TYC10	8.3	4.0	Không Đạt	
40	27202647340	Đặng Thị Kiều	Oanh	25/03/2003	Đắk Lắk	30TYC10	6.0	6.3	Đạt	
41	27212601484	Nguyễn Hoàng	Phong	04/06/2003	Quảng Bình	30TBN4	5.3	6.3	Đạt	
42	28206550581	Đoàn Thị	Phúc	26/09/2004	Quảng Nam	30TSC7	6.7	2.8	Không Đạt	
43	27214744952	Nguyễn Hà	Phuong	24/10/2003	Quảng Ngãi	30TSC8	8.0	6.0	Đạt	
44	27202422182	Từ Ngọc Diệu	Quỳnh	07/10/2003	Đắk Lắk	30TBN11	7.3	5.3	Đạt	
45	27205135792		Tâm	15/07/2003	Gia Lai	30TYC10	6.7	4.0	Không Đạt	
46	27212229922	Lê Tiến	Thành	24/05/2003	Quảng Bình	30TYC9	7.0	4.3	Không Đạt	
47	27217003022	Nguyễn Hữu	Thành	20/09/2002	Quảng Bình	30TYC11	8.0	6.8	Đạt	
48	26211232370	Nguyễn Hữu Dinh	Thành	30/10/2002	Quảng Nam	29TYC5	6.0	6.0	Đạt	
49	27202127861	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/02/2003	Gia Lai	30TYC10	V	V	Không Đạt	
50	27202540053	Nguyễn Thị Kim	Thoa	23/01/2003	Quảng Nam	30TYC10	8.7	5.5	Đạt	
51	27212253642	Trương Viết	Thoại	10/10/2003	Hà Tĩnh	30TYC10	7.0	9.8	Đạt	
52	27202152994	Hồ Thị Anh	Thư	21/04/2003	Quảng Nam	30TYC10	3.3	5.0	Không Đạt	
53	27212244351	Nguyễn Anh	Thư	28/01/2002	Quảng Nam	30TYC10	8.7	8.0	Đạt	
54	27202235156	Đỗ Thị Lê	Thùy	17/11/2003	Bình Định	30TYC11	9.3	5.3	Đạt	
55	28208201217	Đinh Thị Thu	Thùy	03/02/2004	Khánh Hòa	30TYC10	5.7	5.0	Đạt	
56	27207231361	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	01/01/2003	Đà Nẵng	30TSC7	V	V	Không Đạt	
57	26215439517	Nguyễn Văn	Toàn	14/12/2002	Quảng Nam	30TYC11	10.0	9.5	Đạt	
58	26212100742	Trương Nguyễn Đức	Toàn	08/03/2002	Bình Định	29SSC2	8.0	V	Không Đạt	
59	27203344228	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/05/2003	Quảng Ngãi	30THT11	7.3	4.0	Không Đạt	
60	29207180303	Nguyễn Thị Kiều	Trang	29/05/2000	Quảng Nam	30TYC1	6.0	2.5	Không Đạt	
61	27202239003	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/05/2003	Đà Nẵng	30TYC10	7.3	9.5	Đạt	
62	27202150435	Trần Thị Thu	Trang	18/01/2003	Quảng Nam	30TYC10	3.7	4.3	Không Đạt	
63	26205342711	Vũ Huyền	Trang	26/07/2001	Nghệ An	30TYC11	6.3	6.5	Đạt	
64	27202201921	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	17/04/2003	Phú Yên	30TYC11	10.0	10.0	Đạt	
65	27203303062	Trần Thị	Trinh	10/04/2003	Quảng Nam	30TBN11	8.3	5.5	Đạt	
66	26215223572	Trương Phú	Trung	01/07/2002	Quảng Nam	29TYC2	9.3	9.3	Đạt	
67	27212101868	Trần Trung	Trường	21/01/2003	Đắk Lắk	30CYC6	8.3	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	27208735800	Đoàn Thị Cẩm	Tú	25/10/2003	Đắk Lắk	30TYC11	9.0	5.8	Đạt	
69	27202126430	Hồ Thị Cẩm	Tú	28/03/2003	Nghệ An	30TYC10	7.0	5.0	Đạt	
70	27212234036	Đặng Công	Tuấn	24/10/2003	Quảng Nam	30CHT7	6.7	6.3	Đạt	
71	27217000388	Hoàng Anh	Tuấn	13/02/2003	Quảng Trị	30TYC10	8.0	3.5	Không Đạt	
72	26218642558	Lê Anh	Tuấn	22/08/2002	Thừa Thiên H	30SYC2	5.7	4.3	Không Đạt	
73	27211342720	Phạm Duy	Tuấn	10/01/2003	Quảng Bình	30TYC11	8.7	4.3	Không Đạt	
74	27212200768	Hồ Phi	Tùng	01/11/2003	Đà Nẵng	30TYC10	6.3	7.0	Đạt	
75	26205234999	Hồ Diễm	Uyên	09/03/2002	Quảng Nam	29TYC2	7.7	5.0	Đạt	
76	28206605185	Nguyễn Thị Tú	Uyên	01/05/2004	Quảng Trị	30TYC8	6.3	5.8	Đạt	
77	26202635158	Trần Thị Thu	Uyên	23/06/2002	Ninh Bình	30SBN1	8.3	5.8	Đạt	
78	28204351301	Trần Thu	Uyên	04/01/2004	Thừa Thiên H	30TYC11	9.3	9.0	Đạt	
79	27213528535	Đỗ Đức Đại	Vệ	28/04/2003	Đắk Lắk	30TYC11	9.7	6.3	Đạt	
80	27202238396	Đinh Thị Thảo	Vy	07/03/2003	Đắk Lắk	30TYC11	9.3	6.3	Đạt	
81	27202100300	Đoàn Thị Mỹ	Yến	10/05/2003	Đắk Lắk	30TYC10	3.0	3.8	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh